

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v xác định quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất để thi hành án

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Phạm Minh Đồng.

Thư ký phiên họp: Bà Trần Thị Thảo - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Đinh Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 1) mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 10/2025/TLST-VDS ngày 12 tháng 5 năm 2025 về việc “Xác định quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất để thi hành án” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2025/QĐST-VDS ngày 25 tháng 7 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:** Ông Thái Văn C và ông Lê Thanh V – Chấp hành viên Phòng Thi hành án dân sự khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị Cẩm P, sinh năm 1986 và ông Nguyễn Xuân B, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ C, khu phố R, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: Tổ C, khu phố R, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương) (có mặt).

2. Bà Hồ Thị T, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ C, khu phố R, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: Tổ C, khu phố R, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương) (có mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- **Theo đơn yêu cầu và quá trình tham gia tố tụng, người yêu cầu giải quyết việc dân sự ông Thái Văn C và ông Lê Thanh V trình bày:**

Chấp hành viên được Phòng Thi hành án dân sự khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh trước đây là Chi Cục thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương (sau đây viết tắt là: Phòng THADS KV18) phân công tổ chức thi hành án đối với bà Nguyễn Thị Cẩm P, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ C, khu phố R, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: Tổ C, khu phố R, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương) (có mặt).

B, tỉnh Bình Dương) là người phải thi hành án theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 74/2023/QĐST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; Quyết định thi hành án chủ động số 103/QĐ-CCTHADS ngày 06 tháng 10 năm 2023 và Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 104/QĐ-CCTHADS ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Phòng THADS KV18. Theo đó bà P có nghĩa vụ phải thi hành án: Thanh toán cho bà Hồ Thị T, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ C, khu phố R, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 1.300.000.000 đồng (*một tỷ ba trăm triệu đồng*) cùng lãi suất chậm thi hành án và nộp án phí dân sự sơ thẩm là 25.500.000 đồng (*hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng*).

Quá trình giải quyết thi hành án, Chấp hành viên đã tổng đạt các quyết định thi hành án và thông báo thời gian tự nguyện thi hành án nhưng bà P không tự nguyện thi hành án. Qua xác minh điều kiện thi hành án được biết bà P có quyền sử dụng phần đất thuộc thửa số 21, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương cũ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số phát hành CM 728929, số vào sổ cấp GCN: CS06010 ngày 23/7/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp đứng tên ông Nguyễn Xuân B.

Theo Chấp hành viên thì quyền sử dụng đất và tài sản trên đất (thể hiện tại biên bản về việc khảo sát, đo đạc tài sản để thi hành án) được xác định là tài sản phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Cẩm P với ông Nguyễn Xuân B nên đây là tài sản chung của vợ chồng.

Để đảm bảo có điều kiện thi hành án, Chấp hành viên đề nghị Tòa án căn cứ Điều 74 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của bà P trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự gồm: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 21, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương cũ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số phát hành CM 728929, số vào sổ cấp GCN: CS06010 ngày 23/7/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp đứng tên ông Nguyễn Xuân B và tài sản gắn liền trên đất gồm có 260 cây cao su 06 năm tuổi.

Lý do, mục đích, căn cứ của việc yêu cầu Tòa án giải quyết đối với những vấn đề nêu trên: Làm căn cứ để xử lý tài sản của người phải thi hành án nhằm đảm bảo việc thi hành án.

Tài liệu chứng cứ Chấp hành viên cung cấp: Đơn yêu cầu ngày 25/4/2025 (bản gốc); Quyết định số 74/2023/QĐST-DS ngày 19/7/2023 của TAND thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương (bản sao); Đơn yêu cầu thi hành án ngày 17/8/2023 (bản sao); Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 103/QĐ-CCTHADS ngày 06/10/2023 và số 104/QĐ-CCTHADS ngày 06/10/2023 của CCTHADS huyện D (bản sao); Quyết định ủy thác thi hành án số 297/QĐ-CCTHADS ngày 27/9/2023 và số 298/QĐ-CCTHADS ngày 27/9/2023 của Phòng THADS KV18 (bản sao); Thông báo về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án số

1764/TB – THADS ngày 26/9/2024 của Phòng THADS KV18 (bản sao); Biên bản về việc giải quyết việc thi hành án ngày 26/9/2024, ngày 16/4/2025 của Phòng T3 (bản sao); Quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 122/QĐ-CCTHADS ngày 15/7/2024 của Phòng THADS KV18 (bản sao); Biên bản về việc khảo sát, đo đạc tài sản để thi hành án ngày 25/9/2025 của Phòng THADS KV18 (bản sao); Trích lục bản đồ địa chính ngày 01/10/2024 của CN VPĐKĐĐ huyện D (bản sao); Biên bản về việc xác minh điều kiện thi hành án ngày 28/02/2025 và ngày 19/3/2025 của Phòng THADS KV18 (bản sao).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Cẩm P và ông Nguyễn Xuân B:

Toàn bộ tài sản mà cơ quan thi hành án dân sự thực hiện kê biên theo Quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 122/QĐ-CCTHADS ngày 15/7/2024 của Phòng THADS KV18; Biên bản về việc khảo sát, đo đạc tài sản để thi hành án ngày 25/9/2025 của Phòng THADS KV18; Trích lục bản đồ địa chính ngày 01/10/2024 của CN VPĐKĐĐ huyện Dầu T1; Thông báo về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án số 1764/TB – THADS ngày 26/9/2024 của Phòng THADS KV18 đã được bà P và ông B thế chấp để vay tiền của Ngân hàng TMCP X (E) theo “Hợp đồng tín dụng từng lần” số LAV200112534/1820 ngày 18/12/2020 (vay số tiền 400.000.000 đồng) và “Hợp đồng tín dụng từng lần” số LAV200112529/1820 ngày 18/12/2020 (vay số tiền 600.000.000 đồng) ký kết giữa E – Chi nhánh B1 với bà Nguyễn Thị Cẩm P và ông Nguyễn Xuân B và “Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất” số 72/EIB-MP/TD-TC/20 ngày 21/12/2020 ký kết giữa E – Chi nhánh B1 với bà Nguyễn Thị Cẩm P và ông Nguyễn Xuân B. Hiện tại, bà P và ông B chưa tất toán được 02 hợp đồng tín dụng nói trên và E – Chi nhánh B1 đang nhận thế chấp và giữ bản gốc của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên.

Tài liệu chứng cứ bà P và ông B cung cấp: Bản tự khai ngày 21/7/2025; “Hợp đồng tín dụng từng lần” số LAV200112534/1820 ngày 18/12/2020; “Hợp đồng tín dụng từng lần” số LAV200112529/1820 ngày 18/12/2020 và “Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất” số 72/EIB-MP/TD-TC/20 ngày 21/12/2020 ký kết giữa E – Chi nhánh B1 với bà Nguyễn Thị Cẩm P và ông Nguyễn Xuân B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Kim T2:

Bà T2 là người được thi hành án theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 74/2023/QĐST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh B (nay là Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh) và Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 104/QĐ-CCTHADS ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Trưởng Phòng THADS KV18. Theo đó bà P có nghĩa vụ phải thi hành án cho bà T2 số tiền 1.300.000.000 đồng (*một tỷ ba trăm triệu đồng*) cùng lãi suất chậm thi hành án.

Quá trình giải quyết thi hành án, Chấp hành viên đã xác định được bà P và ông B có tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất (theo biên bản về việc khảo sát, đo đạc tài sản để thi hành án) thuộc thửa số 21, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương

cũ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số phát hành CM 728929, số vào sổ cấp GCN: CS06010 ngày 23/7/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp đứng tên ông Nguyễn Xuân B.

Để đảm bảo có điều kiện thi hành án, bà T2 thống nhất ý kiến với Chấp hành viên đề nghị Tòa án căn cứ Điều 74 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của bà P trong khối tài sản chung với ông B theo thủ tục tố tụng dân sự gồm: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 21, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương cũ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số phát hành CM 728929, số vào sổ cấp GCN: CS06010 ngày 23/7/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp đứng tên ông Nguyễn Xuân B và tài sản gắn liền trên đất gồm có 260 cây cao su 06 năm tuổi.

Tuy nhiên, bà T2 cung cấp thêm thông tin là bà T2 biết rằng toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất nói trên hiện bà P và ông B đang thế chấp để vay tiền của ngân hàng còn cụ thể vay và thế chấp của ngân hàng nào thì bà T2 không rõ.

Tài liệu chứng cứ bà T2 cung cấp: Bản tự khai ngày 21/7/2025.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự là Chấp hành viên và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà P, ông B và bà T2 chấp hành và thực hiện đúng thủ tục quy định.

Về nội dung: Toàn bộ tài sản mà cơ quan thi hành án dân sự thực hiện cưỡng chế kê biên theo Quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 122/QĐ-CCTHADS ngày 15/7/2024 của Phòng THADS KV18 và theo Biên bản về việc khảo sát, đo đạc tài sản để thi hành án ngày 25/9/2025 của Phòng THADS KV18, đã được bà P và ông B thế chấp để vay tiền của E theo “Hợp đồng tín dụng từng lần” số LAV200112534/1820 ngày 18/12/2020 (vay số tiền 400.000.000 đồng) và “Hợp đồng tín dụng từng lần” số LAV200112529/1820 ngày 18/12/2020 (vay số tiền 600.000.000 đồng) ký kết giữa E – Chi nhánh B1 với bà Nguyễn Thị Cẩm P và ông Nguyễn Xuân B và “Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất” số 72/EIB-MP/TD-TC/20 ngày 21/12/2020 ký kết giữa E – Chi nhánh B1 với bà Nguyễn Thị Cẩm P và ông Nguyễn Xuân B. Hiện tại, bà P và ông B chưa tất toán được 02 hợp đồng tín dụng nói trên và E – Chi nhánh B1 đang nhận thế chấp và giữ bản gốc của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên. Tuy nhiên, toàn bộ quá trình giải quyết thi hành án, cơ quan Thi hành án không làm việc với E – Chi nhánh B1 là tổ chức tín dụng đang nhận thế chấp tài sản là chưa đảm bảo đúng quy định, xâm phạm đến quyền và lợi ích của đương sự theo quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu xác định

phần quyền sở hữu tài sản và quyền sử dụng đất của bà P trong khối tài sản chung với ông B theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Tại phiên họp, người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà P, ông B và bà T2 có mặt, đảm bảo sự có mặt của các đương sự theo quy định tại Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chấp hành viên yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của bà P trong khối tài sản chung với ông B bao gồm: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 21, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương cũ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số phát hành CM 728929, sổ vào sổ cấp GCN: CS06010 ngày 23/7/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp đứng tên ông Nguyễn Xuân B và tài sản gắn liền trên đất gồm có 260 cây cao su 06 năm tuổi là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 9 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm n khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Bà T2 là người được thi hành án còn bà P là người phải thi hành án theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 74/2023/QĐST-DS ngày 19/7/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh B (nay là Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh); Quyết định thi hành án chủ động số 103/QĐ-CCTHADS ngày 06/10/2023 và Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 104/QĐ-CCTHADS ngày 06/10/2023 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương (nay là Trưởng Phòng Thi hành án khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh). Theo đó, bà P có nghĩa vụ phải thi hành án cho bà T2 số tiền 1.300.000.000 đồng (*một tỷ ba trăm triệu đồng*) cùng lãi suất chậm thi hành án và tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chấp hành viên đã tổng đạt quyết định thi hành án và thông báo thời gian tự nguyện thi hành án nhưng bà P không tự nguyện thi hành án; người được thi hành án không thỏa mãn nên việc Chấp hành viên yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu tài sản là phần quyền sử dụng đất của bà P trong khối tài sản chung với ông B để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án là phù hợp với quy định tại Điều 74 và Điều 75 của Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

[4] Xét yêu cầu giải quyết: Chấp hành viên đề nghị Tòa án xác định phần quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa số 21, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương cũ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số phát hành CM 728929, sổ vào sổ cấp GCN: CS06010 ngày

23/7/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp đứng tên ông Nguyễn Xuân B là tài sản chung của vợ chồng bà P và ông B.

Thấy rằng, toàn bộ tài sản mà cơ quan thi hành án dân sự thực hiện cưỡng chế kê biên theo Quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 122/QĐ-CCTHADS ngày 15/7/2024 của Phòng THADS KV18; theo Biên bản về việc khảo sát, đo đạc tài sản để thi hành án ngày 25/9/2025 của Phòng THADS KV18; theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 01/10/2024 của CN VPĐKĐĐ huyện Dầu T1; Thông báo về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án số 1764/TB – THADS ngày 26/9/2024 của Phòng THADS KV18, đã được bà P và ông B thế chấp để vay tiền của E theo “Hợp đồng tín dụng từng lần” số LAV200112534/1820 ngày 18/12/2020 (vay số tiền 400.000.000 đồng) và “Hợp đồng tín dụng từng lần” số LAV200112529/1820 ngày 18/12/2020 (vay số tiền 600.000.000 đồng) ký kết giữa E – Chi nhánh B1 với bà Nguyễn Thị Cẩm P và ông Nguyễn Xuân B và “Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất” số 72/EIB-MP/TD-TC/20 ngày 21/12/2020 ký kết giữa E – Chi nhánh B1 với bà Nguyễn Thị Cẩm P và ông Nguyễn Xuân B. Hiện tại, bà P và ông B chưa tất toán được 02 hợp đồng tín dụng nói trên nên E – Chi nhánh B1 đang nhận thế chấp và giữ bản gốc của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên. Tuy nhiên, toàn bộ quá trình giải quyết thi hành án, cơ quan Thi hành án không làm việc với E – Chi nhánh B1 là tổ chức tín dụng đang nhận thế chấp tài sản là chưa đảm bảo đúng quy định, xâm phạm đến quyền và lợi ích của đương sự theo quy định của pháp luật.

Việc Chấp hành viên không làm việc với E – Chi nhánh B1 là tổ chức tín dụng đang nhận thế chấp tài sản là vi phạm theo quy định tại các Điều 68, Điều 73, điểm d khoản 2 Điều 362 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, việc yêu cầu của Chấp hành viên là chưa đảm bảo đúng quy định của pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích của đương sự. Do đó, Tòa án không chấp nhận yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản và quyền sử dụng đất của bà P trong khối tài sản chung với ông B theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[6] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp hành viên Phòng Thi hành án dân sự khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh thuộc trường hợp không phải nộp lệ phí sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 9 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm n khoản 2 Điều 39; các Điều 68, 73, 362; 367, 370; 371 và Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 74, Điều 75 của Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của Chấp hành viên Phòng Thi hành án dân sự khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh về việc đề nghị xác định quyền sở hữu tài sản và phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án là bà Nguyễn Thị Cẩm P, sinh năm 1986 với ông Nguyễn Xuân B, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ C, khu phố R, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: Tổ C, khu phố R, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương).

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Chấp hành viên Phòng Thi hành án dân sự khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh không phải nộp lệ phí sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

3.1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo Quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

3.2. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị Quyết định này trong thời hạn 10 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị Quyết định này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định./.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM (CS2);
- VKSND Tp. HCM (CS2);
- VKSND KV18 - Tp. HCM;
- Phòng THA DS KV18 - Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phạm Minh Đồng